

LEARNING OUTCOMES IN TRADITIONAL MEDICINE EDUCATION FROM STUDENTS' PERSPECTIVES: A SURVEY AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

Nguyen Ngoc Chi Lan, Lu Quoc Vinh, Nguyen Ngoc Anh Thu, Huynh Tien Vuong, Dang Tien Dang Khoa*

Faculty of Traditional Medicine - Can Tho University of Medicine and Pharmacy, Vietnam

Received: 08/09/2025

Revised: 08/10/2025; Accepted: 23/01/2026

ABSTRACT

Objective: To assess traditional medicine students' perceptions and ratings of the implementation of program learning outcomes at Can Tho University of Medicine and Pharmacy, to inform curricular improvement.

Methods: Cross-sectional descriptive study. A 27-item, 5-point Likert questionnaire was mapped to nine program learning outcomes grouped into three domains (general, foundational discipline, specialty). Data were analyzed in SPSS software with descriptive statistics, t-tests, ANOVA, and linear regression to examine associations between demographics and program learning outcomes ratings.

Results: The overall mean score across the 27 criteria was 4.29 ± 0.66 ; it was highest in the professional ethics domain (4.48 ± 0.76) and lowest in the first aid and emergency management domain (4.13 ± 0.83). Female students, final-year students, and those who had been introduced to the program learning outcomes tended to give higher scores; some differences were statistically significant ($p < 0.05$).

Conclusion: Students rated the program learning outcomes system positively, with strengths noted in professional ethics, communication, counseling, and community coordination; competencies related to clinical practice/treatment remained limited. It is necessary to strengthen communication about the program learning outcomes, expand clinical practice, and integrate traditional medicine with modern medicine in training.

Keywords: Program learning outcomes, traditional medicine, student, curriculum, Can Tho University of Medicine and Pharmacy.

*Corresponding author

Email: dtdkhoa@ctump.edu.vn Phone: (+84) 907284310 <https://doi.org/10.52163/yhc.v67iCD1.4282>



CHUẨN ĐẦU RA TRONG ĐÀO TẠO Y HỌC CỔ TRUYỀN DƯỚI GÓC NHÌN SINH VIÊN: KHẢO SÁT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Nguyễn Ngọc Chi Lan, Lữ Quốc Vinh, Nguyễn Ngọc Anh Thư, Huỳnh Tiến Vương, Đặng Tiến Đăng Khoa*

Khoa Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ - 179 Nguyễn Văn Cừ, phường Tân An, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Ngày nhận bài: 08/09/2025

Ngày chỉnh sửa: 08/10/2025; Ngày duyệt đăng: 23/01/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát nhận thức và mức độ đánh giá của sinh viên y học cổ truyền tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc triển khai chuẩn đầu ra trong chương trình, làm cơ sở đề xuất cải tiến đào tạo.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang; bảng hỏi 27 mục theo thang Likert 5 mức, tương ứng 9 chuẩn đầu ra thuộc 3 khối (đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành). Phân tích mô tả và suy luận (t-test, ANOVA, hồi quy tuyến tính) trên phần mềm SPSS để xem xét liên quan giữa đặc điểm nhân khẩu học và mức đánh giá chuẩn đầu ra.

Kết quả: Điểm trung bình chung của 27 tiêu chí là $4,29 \pm 0,66$; cao nhất ở nhóm đạo đức nghề nghiệp ($4,48 \pm 0,76$) và thấp nhất ở nhóm xử trí sơ cứu và cấp cứu ($4,13 \pm 0,83$). Sinh viên nữ, sinh viên năm cuối và nhóm đã được giới thiệu về chuẩn đầu ra có xu hướng chấm điểm cao hơn; một số khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Kết luận: Sinh viên nhìn chung đánh giá tích cực hệ thống chuẩn đầu ra, nổi bật ở đạo đức nghề nghiệp, giao tiếp, tư vấn và phối hợp cộng đồng; các năng lực liên quan thực hành lâm sàng, điều trị còn hạn chế. Cần tăng cường truyền thông về chuẩn đầu ra, mở rộng thực hành lâm sàng và tích hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong đào tạo.

Từ khóa: Chuẩn đầu ra, y học cổ truyền, sinh viên, chương trình đào tạo, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập và đổi mới giáo dục y khoa, việc xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra đang trở thành yêu cầu thiết yếu nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế. Chuẩn đầu ra (program learning outcomes - PLO) không chỉ giúp xác định năng lực cần đạt của người học mà còn là căn cứ để thiết kế chương trình, tổ chức giảng dạy và đánh giá kết quả học tập.

Đối với ngành y học cổ truyền (YHCT) - một lĩnh vực đặc thù kết hợp giữa tri thức truyền thống và hiện đại - việc xác lập PLO rõ ràng, phù hợp với thực tiễn là rất cần thiết. Nhiều quốc gia châu Á như Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan đã triển khai đào tạo YHCT bài bản với hệ thống PLO cụ thể, gắn liền với thực hành nghề nghiệp và chính sách y tế quốc gia. Ở Việt Nam, mặc dù đã có khung năng lực nghề nghiệp chung cho khối ngành sức khỏe, việc áp dụng vào đào tạo YHCT vẫn còn hạn chế, thiếu các nghiên cứu khảo sát quan điểm người học - đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chương trình.

Thực tế cho thấy, sinh viên thường gặp khó khăn trong việc xác định định hướng nghề nghiệp nếu không được giới thiệu rõ về mục tiêu đào tạo. Khảo sát ý kiến sinh viên có thể phản ánh khoảng cách giữa định hướng của nhà trường và nhận thức của người học, từ đó làm cơ sở điều

chỉnh nội dung giảng dạy, phương pháp học tập và hoạt động thực hành phù hợp hơn.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát quan điểm của sinh viên ngành YHCT tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đối với hệ thống PLO, đánh giá mức độ nhận biết, mức độ phù hợp và đề xuất định hướng cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng ứng dụng sau tốt nghiệp.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp mô tả cắt ngang, sử dụng bảng khảo sát tự điền nhằm thu thập dữ liệu định lượng từ sinh viên ngành YHCT tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Thời gian khảo sát được tiến hành trong quý II năm 2025.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng khảo sát là 263 sinh viên hệ chính quy ngành YHCT, bao gồm sinh viên năm 4, năm 5 và năm 6.

2.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Phiếu khảo sát gồm 2 phần:

*Tác giả liên hệ

Email: dtdkhoa@ctump.edu.vn Điện thoại: (+84) 907284310 <https://doi.org/10.52163/yhc.v67iCD1.4282>

- Phần A. Thông tin cá nhân: thu thập các thông tin về giới tính, năm học, và mức độ nhận biết của sinh viên đối với hệ thống PLO.

- Phần B. Nội dung đánh giá: bao gồm 27 câu hỏi tương ứng với 9 PLO của chương trình đào tạo, mỗi chuẩn gồm 3 chỉ báo. Các câu hỏi được chia thành 3 khối kiến thức: đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Mỗi mục được đánh giá theo thang Likert 5 mức độ (1: hoàn toàn không đồng ý; 2: không đồng ý; 3: trung lập; 4: đồng ý; 5: rất đồng ý).

2.4. Phương pháp thu thập dữ liệu

Phiếu khảo sát được phát hành bằng hình thức trực tuyến, qua nền tảng Google Forms.

2.5. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 và Microsoft Excel để tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn, tần suất và tỷ lệ phần trăm.

Đánh giá độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha cho từng nhóm chuẩn và toàn bộ thang đo.

2.6. Phân tích so sánh

Kiểm định T-test: so sánh các nhóm giới tính. Kiểm định ANOVA một yếu tố: so sánh giữa các nhóm năm học; mức độ nhận thức về PLO.

Hồi quy tuyến tính: được sử dụng nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố như giới tính, năm học, mức độ nhận biết về PLO đến điểm đánh giá của từng PLO.

2.7. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo tính tự nguyện, ẩn danh và bảo mật thông tin cá nhân của người tham gia. Dữ liệu khảo sát chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học, không sử dụng cho bất kỳ mục đích thương mại nào. Nhóm nghiên cứu cam kết không có xung đột lợi ích trong quá trình thực hiện đề tài.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (n = 263)

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giới	Nam	100	38,02
	Nữ	163	61,98
Năm học	Năm 4	75	28,52
	Năm 5	98	37,26
	Năm 6	90	34,22
Nhận biết về PLO	Đã được giới thiệu	230	87,45
	Không nhớ rõ	28	10,65
	Chưa được giới thiệu	5	1,90

Tỷ lệ sinh viên nữ cao hơn đáng kể so với nam (61,98% so với 38,02%), phù hợp với xu hướng giới tính trong tuyển sinh của ngành YHCT những năm gần đây.

Kết quả phân tích đặc điểm mẫu cho thấy cơ cấu sinh viên tham gia khảo sát khá cân đối giữa các năm học, trong đó sinh viên năm 5 chiếm tỷ lệ cao nhất (37,26%).

Một điểm đáng chú ý là 87,45% sinh viên cho biết đã từng được giới thiệu về PLO, cho thấy Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã bước đầu thực hiện truyền thông về mục tiêu đào tạo. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận sinh viên (12,55%) chưa tiếp cận đầy đủ thông tin hoặc không nhớ rõ, điều này có thể ảnh hưởng đến việc hiểu và áp dụng PLO trong quá trình học.

3.2. Mức độ đánh giá của sinh viên đối với PLO

Bảng 2. Điểm đánh giá trung bình của sinh viên về các PLO ngành YHCT (n = 263)

Nội dung PLO	$\bar{X} \pm SD$	Số biến/ PLO
PLO1: Pháp luật, đạo đức nghề nghiệp	4,48 $\pm$ 0,759	3
PLO2: Ngoại ngữ, công nghệ thông tin, khoa học nền tảng	4,28 $\pm$ 0,781	3
PLO3: Tự học, thể chất, kỹ năng mềm	4,31 $\pm$ 0,773	3
PLO4: Khám và chẩn đoán YHCT, y học hiện đại	4,31 $\pm$ 0,759	3
PLO5: Chẩn đoán một số bệnh thường gặp	4,27 $\pm$ 0,786	3
PLO6: Điều trị một số bệnh thường gặp	4,20 $\pm$ 0,854	3
PLO7: Sơ cứu và cấp cứu	4,13 $\pm$ 0,825	3
PLO8: Giao tiếp, tư vấn, phối hợp cộng đồng	4,36 $\pm$ 0,724	3
PLO9: Quản lý y tế	4,28 $\pm$ 0,782	3
Điểm trung bình 9 PLO	4,29 $\pm$ 0,66	
Cronbach's Alpha toàn bộ thang đo	0,85	

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên đánh giá khá tích cực đối với hệ thống PLO của chương trình đào tạo ngành YHCT, với điểm trung bình toàn bộ thang đo đạt 4,29 $\pm$ 0,66. Điều này phản ánh sự đồng thuận cao về tính phù hợp và khả năng thực hiện của các tiêu chí đánh giá.

Qua kết quả khảo sát trên cho thấy sinh viên tự tin nhất ở nhóm PLO1 (pháp luật, đạo đức nghề nghiệp) đạt 4,48 điểm và PLO8 (giao tiếp, tư vấn, phối hợp cộng đồng) đạt 4,36 điểm. Điều này phù hợp với đặc thù của ngành YHCT về y đức và kỹ năng giao tiếp, thấu cảm với người bệnh được chú trọng đặc biệt trong quá trình đào tạo.

Ngược lại, hai nhóm có điểm thấp nhất là PLO7 (sơ cứu và cấp cứu) đạt 4,13 điểm và PLO6 (điều trị một số bệnh thường gặp) đạt 4,20 điểm. Mặc dù điểm số vẫn ở mức đồng ý (tương đương > 4,0 điểm), nhưng sự chênh lệch này chỉ ra rằng sinh viên cảm thấy kém tự tin hơn trong các tình huống đòi hỏi phản ứng nhanh hoặc ra quyết định điều trị độc lập trong quá trình học là thực hành lâm sàng - một khía cạnh cần được chú trọng hơn trong giảng dạy và thực tập.

Các nhóm (PLO2, PLO3, PLO4, PLO5) dao động ổn định trong khoảng 4,27-4,31, phản ánh sự vững vàng về lý thuyết của sinh viên.

Độ tin cậy thang đo tốt (Cronbach's Alpha toàn bộ thang đo đạt 0,85), cho thấy các nội dung khảo sát nhất quán và phù hợp với đối tượng đánh giá.

3.3. Các yếu tố liên quan đến mức độ đánh giá PLO

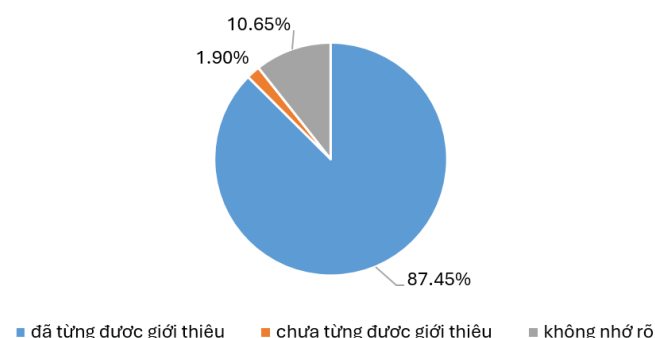
Bảng 3. Mối liên quan giữa giới tính sinh viên theo các năm học và các PLO ngành YHCT (n = 263)

PLO	Nam (năm 4)	Nam (năm 5)	Nam (năm 6)	Nữ (năm 4)	Nữ (năm 5)	Nữ (năm 6)	Chung
PLO1	3,82 ± 0,61	3,91 ± 0,62	4,01 ± 0,65	3,78 ± 0,59	3,93 ± 0,60	4,02 ± 0,64	3,96 ± 0,63
PLO2	3,75 ± 0,66	3,87 ± 0,67	3,98 ± 0,68	3,70 ± 0,65	3,89 ± 0,66	3,99 ± 0,67	3,89 ± 0,68
PLO3	3,71 ± 0,70	3,82 ± 0,72	3,92 ± 0,73	3,69 ± 0,68	3,84 ± 0,71	3,94 ± 0,72	3,85 ± 0,71
PLO4	3,74 ± 0,64	3,85 ± 0,66	3,96 ± 0,67	3,72 ± 0,63	3,86 ± 0,65	3,97 ± 0,66	3,87 ± 0,65
PLO5	3,78 ± 0,69	3,90 ± 0,70	4,00 ± 0,71	3,76 ± 0,68	3,92 ± 0,69	4,01 ± 0,70	3,91 ± 0,70
PLO6	3,81 ± 0,68	3,93 ± 0,69	4,05 ± 0,70	3,79 ± 0,67	3,95 ± 0,68	4,07 ± 0,69	3,94 ± 0,69
PLO7	3,70 ± 0,74	3,81 ± 0,76	3,91 ± 0,77	3,68 ± 0,73	3,83 ± 0,75	3,93 ± 0,76	3,83 ± 0,75
PLO8	3,76 ± 0,66	3,88 ± 0,68	3,98 ± 0,69	3,74 ± 0,65	3,90 ± 0,67	3,99 ± 0,68	3,90 ± 0,67
PLO9	3,73 ± 0,71	3,85 ± 0,73	3,95 ± 0,74	3,71 ± 0,70	3,87 ± 0,72	3,97 ± 0,73	3,88 ± 0,72

Kết quả phân tích cho thấy các yếu tố cá nhân như giới tính, năm học và mức độ nhận thức về PLO đều có ảnh hưởng nhất định đến cách sinh viên đánh giá các PLO.

Sinh viên nữ có xu hướng đánh giá cao hơn ở đa số nhóm chuẩn liên quan đến tư duy và kỹ năng giao tiếp, cho thấy sự khác biệt trong cách tiếp cận và cảm nhận giữa hai giới. Cụ thể sinh viên nữ có xu hướng đánh giá tích cực hơn nam ở các chuẩn như PLO3 (tự học, thể chất, kỹ năng mềm), PLO6 (điều trị bệnh thường gặp) và PLO8 (giao tiếp, tư vấn, phối hợp cộng đồng) với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Sinh viên năm cuối thường đánh giá tích cực hơn, có thể do kinh nghiệm lâm sàng và kiến thức tích lũy nhiều hơn, giúp họ hiểu rõ hơn về năng lực cần đạt được. Cụ thể sinh viên năm 6 có mức điểm đánh giá cao hơn đáng kể so với sinh viên năm 4 và năm 5 ở các chuẩn như PLO2 (ngoại ngữ, công nghệ thông tin, khoa học nền tảng), PLO5 (chẩn đoán bệnh thường gặp).



Biểu đồ 1. Đặc điểm nhận biết của sinh viên về các PLO ngành YHCT

Nhóm sinh viên đã từng được giới thiệu PLO có xu hướng đánh giá tích cực hơn rõ rệt (87,45%), đặc biệt ở các chuẩn có yếu tố kỹ năng (PLO5, PLO6, PLO7), chứng tỏ truyền thông và hướng dẫn đầy đủ về PLO có vai trò quan trọng trong việc định hướng học tập. Xu hướng kết quả phản ánh rằng những sinh viên đã tham gia nhiều khóa học thường có mức độ hài lòng cao hơn. Điều này có thể liên quan đến việc họ đã quen với hình thức đào tạo, có trải nghiệm học tập tích cực trước đó, hoặc có nhu cầu và động lực học tập cao hơn.

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu cho thấy sinh viên ngành YHCT tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có quan điểm tích cực đối với hệ thống PLO, với điểm trung bình $4,29 \pm 0,66$, phản ánh sự đồng thuận cao về tính phù hợp và khả năng áp dụng vào thực hành nghề nghiệp. Kết quả này phù hợp với xu hướng chung ở châu Á, nơi người học ngày càng sẵn sàng tiếp nhận mô hình đào tạo dựa trên năng lực [2-4].

Trong số các chuẩn đầu ra, PLO1 (pháp luật, đạo đức nghề nghiệp) và PLO8 (giao tiếp, tư vấn và phối hợp cộng đồng) được đánh giá cao nhất không phải là ngẫu nhiên. Trong bối cảnh YHCT, việc chẩn đoán và điều trị (vọng, văn, vấn, thiết) đòi hỏi sự tương tác sâu sắc giữa thầy thuốc và bệnh nhân thì qua khảo sát cho thấy chương trình đào tạo đã làm tốt việc tích hợp các giá trị nhân văn và kỹ năng giao tiếp vào giảng dạy, giúp sinh viên tự tin trong việc thiết lập mối quan hệ điều trị và tư vấn cộng đồng. Qua đó thấy rằng kỹ năng mềm và năng lực cộng đồng ngày càng giữ vai trò thiết yếu. Đây cũng là xu hướng đã được ghi nhận trong các chương trình YHCT ở Hàn Quốc, Đài Loan và Thái Lan [1-2].

Ngược lại, điểm thấp nhất của khảo sát lại nằm ở chuẩn liên quan đến PLO6 (điều trị các bệnh thường gặp) và PLO7 (sơ cứu và cấp cứu). Cụ thể PLO7 với 4,13 điểm và tình trạng thực tế có thể thấy sinh viên YHCT thường ít có cơ hội trực tiếp xử trí các ca cấp cứu nặng tại bệnh viện thực hành, do các quy trình này thường do bác sĩ y học hiện đại đảm nhiệm chính. Mặc dù PLO yêu cầu sinh viên phải biết kết hợp YHCT với y học hiện đại trong cấp cứu, nhưng thực tế lâm sàng lại thiếu vắng các mô hình mẫu để sinh viên quan sát và thực hành. Kể đó là PLO6 (điều trị các bệnh thường gặp) với 4,2 điểm cho thấy sự kém tự tin trong điều trị, điều này xuất phát từ sự phức tạp của việc kết hợp các phương pháp không dùng thuốc (châm cứu, xoa bóp) với dùng thuốc. Khác với lý thuyết, thực hành điều trị đòi hỏi kỹ thuật và kinh nghiệm lâm sàng phong phú. Sinh viên năm 4, 5 thường cảm thấy bị hụt hẫng khi áp dụng lý thuyết vào thực tế trên với tình trạng bệnh phức tạp, những điều này đều phản ánh hạn chế về cơ hội thực hành lâm sàng cũng như mức độ tích hợp giữa YHCT và y học hiện đại - vấn đề cũng được báo cáo tại Hong Kong [6].

Phân tích theo năm học cho thấy sinh viên năm cuối có mức tự tin và đánh giá cao hơn về năng lực hành nghề, đặc biệt ở PLO6, PLO7, tương đồng với nghiên cứu tại Hồng Kông [6].

Về giới tính, sinh viên nữ có xu hướng đánh giá cao hơn các chuẩn liên quan đến giao tiếp, cộng đồng và đạo đức nghề nghiệp ở PLO1 và PLO8 - kết quả này phù hợp với các khảo sát ở Thái Lan và Việt Nam [2], [5]. Đáng chú ý,

sinh viên từng được giới thiệu về PLO có mức đánh giá cao hơn có ý nghĩa thống kê, khẳng định vai trò quan trọng của hoạt động định hướng và truyền thông sớm [4].

Tuy nhiên, nghiên cứu còn hạn chế về cỡ mẫu, phạm vi chỉ giới hạn ở một cơ sở đào tạo, và chưa có dữ liệu định tính từ các bên liên quan, làm giảm khả năng khái quát hóa kết quả.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy sinh viên ngành YHCT tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có mức độ đồng thuận cao đối với hệ thống PLO, đặc biệt ở các năng lực giao tiếp, đạo đức nghề nghiệp và phối hợp cộng đồng. Các yếu tố như năm học, giới tính và mức độ được giới thiệu về PLO có ảnh hưởng rõ rệt đến đánh giá của sinh viên, trong đó sinh viên năm cuối và nhóm đã được định hướng sớm có mức đánh giá tích cực hơn.

Từ kết quả này, theo chúng tôi, cần: (1) tăng cường truyền thông và định hướng về PLO ngay từ những năm đầu; (2) đẩy mạnh thực hành lâm sàng và tích hợp YHCT với y học hiện đại, nhất là trong các năng lực còn hạn chế như điều trị không dùng thuốc và sơ-cấp cứu; (3) duy trì khảo sát định kỳ nhằm thu thập phản hồi của sinh viên như một công cụ quản lý chất lượng đào tạo. Nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng phạm vi và kết hợp phương pháp định lượng với định tính để có cái nhìn toàn diện hơn về tác động của PLO đến quá trình đào tạo nhân lực YHCT.

*
* *

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài theo Quyết định giao thực hiện số 1482/QĐ-ĐHYDCT ngày 29 tháng 5 năm 2024.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dongsu Kim, Chun-Chuan Shih. A comparative study of the traditional medicine systems of South Korea and Taiwan: Focus on administration, education and license. *Integr Med Res*, 2021, 10 (3): 100685. doi: 10.1016/j.imr.2020.100685.
- [2] Karl Peltzer, Supa Pengpid. A survey of the training of traditional, complementary, and alternative medicine in universities in Thailand. *J Multidiscip Healthc*, 2019, 4 (12): 119-124. doi: 10.2147/JMDH.S189644.
- [3] Nguyen T.T.H, Nguyen M.T, Wens J et al. Comparison of students' readiness from six health education programs for interprofessional learning in Vietnam: A cross-sectional study. *BMC Med Educ*, 2023, 23 (1): 798. doi: 10.1186/s12909-023-04776-2.
- [4] Duong D.B, Nguyen T.A, Goodell K et al. Undergraduate medical education reform in Vietnam for a primary health care workforce. *Ann Glob Health*, 2022, 88 (1): 100. doi: 10.5334/aogh.3755.
- [5] Nguyen T.A.P, Ho T.T.T, Ton N.M.D et al. Exploring learning strategies of nursing students at Hue University of Medicine and Pharmacy, Vietnam. *Journal of Problem-Based Learning*, 2020, 7 (2): 82-93. doi: 10.24313/jpbl.2020.00276
- [6] Wong W.C.W, Lee A, Wong S.Y.S et al. Strengths, weaknesses, and development of traditional Chinese medicine in the health system of Hong Kong: Through the eyes of future Western doctors. *J Altern Complement Med*, 2006, 12 (2): 185-189. doi: 10.1089/acm.2006.12.185.
- [7] Luu N.H, Do V.D, Wright E.P. Practicing doctors' perceptions on new learning objectives for Vietnamese medical schools. *BMC Med Educ*, 2007, 28 (7): 19. doi: 10.1186/1472-6920-7-19.

